

DAY HỌC VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC

HOÀNG THỊ MỸ*

Ngày nhận bài: 10/07/2016; ngày sửa chữa: 12/07/2016; ngày duyệt đăng: 13/07/2016.

Abstract: Teaching foreign literature towards approaching competences at high schools is to meet requirements of fundamental and comprehensive education reform. Distinguishing the foreign literature teaching towards approaching competences from that towards approaching contents aims to improve the quality of literature teaching in general and foreign literature teaching in particular.

Keywords: Foreign literature, competence approach, capacity approach, high school.

Hiện nay, giáo dục “truyền thống” tập trung vào nội dung kiến thức đã không còn phù hợp, giáo dục trên thế giới đang đi theo xu hướng dạy học và đánh giá theo năng lực. Nhằm theo kịp các hệ thống giáo dục tiên tiến cũng như tiến tới đạt chuẩn quốc tế, hệ thống giáo dục Việt Nam cũng đang từng bước đổi thay từ giáo dục theo nội dung kiến thức sang giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực (TCNL). Việc dạy học văn học nước ngoài (VHNN) trong nhà trường phổ thông cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó.

VHNN chiếm một thời lượng không nhỏ trong chương trình *Ngữ văn* ở trường phổ thông, được lựa chọn nghiêm túc, công phu và là sự kết tinh tinh hoa của văn học thế giới. Với những văn bản này, học sinh (HS) được tiếp xúc với những tác phẩm, đoạn trích của những nhà văn lỗi lạc, tiêu biểu cho các nền văn học, các khu vực văn hóa lớn của loài người. Vì vậy, việc dạy học theo hướng TCNL trong chương trình VHNN ở trường phổ thông đã và đang được đặt ra rất cấp thiết.

1. Năng lực và dạy học theo hướng TCNL

Hiện nay, vẫn đang tồn tại khá nhiều định nghĩa về “năng lực”, nhưng tất cả đều thống nhất ở chỗ: “năng lực” là một khái niệm phức hợp, với sự kết hợp linh hoạt và có tổ chức các “nguồn lực”, kiến thức, kĩ năng, thái độ, động cơ... nhằm hoạt động có hiệu quả trong bối cảnh nhất định. Hay, “năng lực” là khả năng vận dụng kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng, thái độ và sự đam mê để hành động phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống.

Năng lực của HS là khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kĩ năng, thái độ... phù hợp với lứa tuổi và vận hành (kết nối) chúng hợp lí vào thực hiện thành công nhiệm vụ học tập, giải quyết hiệu quả những vấn đề đặt ra cho chính các em trong cuộc sống. Đây là một cấu trúc “động”, có tính “mở”, đa thành tố, đa tầng bậc, hàm chứa trong nó không chỉ là kiến thức, kĩ năng... mà cả niềm tin, giá trị, trách nhiệm

xã hội... thể hiện ở tính sẵn sàng hành động của các em trong môi trường học tập phổ thông và những điều kiện thực tế đang thay đổi của xã hội.

Dạy học theo hướng TCNL người học nhằm hướng tới một nền giáo dục tiên tiến, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đủ sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Dạy học theo hướng TCNL tập trung vào “đầu ra” của quá trình dạy học; trong đó, nhấn mạnh người học cần đạt được các mức năng lực như thế nào sau khi kết thúc một chương trình giáo dục. TCNL chủ trương giúp người học không chỉ biết học thuộc, ghi nhớ mà phải biết “làm” thông qua các hoạt động cụ thể, sử dụng những tri thức học được để giải quyết các tình huống do cuộc sống đặt ra.

Có thể thấy được sự khác biệt và ưu việt của dạy học theo hướng TCNL so với tiếp cận nội dung qua bảng so sánh sau (xem *bảng* trang bên).

2. Một số vấn đề đặt ra trong dạy học VHNN trong nhà trường phổ thông hiện nay

Ở nước ta, mục tiêu giáo dục phổ thông đã được xác định rõ trong **Luật Giáo dục** (2010), đó là: Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp... Với mục tiêu đó, môn *Ngữ văn* (trong đó có VHNN), có một vị trí đặc biệt quan trọng, góp phần trang bị cho HS tư duy năng động, sáng tạo, có khả năng liên kết và giải quyết vấn đề; đề xuất các ý tưởng độc đáo, giao tiếp và làm việc trong môi trường rộng lớn, đa quốc gia. Qua các tác phẩm VHNN, HS được tiếp xúc với nhiều nền văn hóa, tích lũy được những tri thức mới lạ, giúp các em tự tin hơn khi tiếp xúc, giao lưu, gia nhập vào “không gian sống” mang tính toàn cầu trong tương lai. Các tác phẩm VHNN không chỉ mang lại cho HS những rung cảm thẩm mỹ trước những áng thơ, văn bất hủ mà còn trang

* Trường Trung học cơ sở Hoàng Liệt - Hà Nội

Tiêu thức	Dạy học theo tiếp cận nội dung	Dạy học theo TCNL
Quan niệm	Học là quá trình tiếp thu và lĩnh hội tri thức, qua đó hình thành kĩ năng	Học là quá trình kiến tạo, người học tự tìm tòi, khám phá, phát hiện, tự hình thành hiểu biết, năng lực
Mục tiêu dạy học	Chú trọng cung cấp tri thức, kĩ năng, kĩ xảo	Chú trọng hình thành các năng lực (sáng tạo, hợp tác...)
Mục tiêu học tập	Học để thi cử; sau khi thi xong, những điều đã học ít dùng đến, thường bị quên	Học để đáp ứng yêu cầu công việc; những điều đã học cần thiết bổ ích cho cuộc sống và công việc sau này
Mục tiêu bài học	Chung chung	Chi tiết, đánh giá được
Yêu cầu đối với người học	Biết cái gì?	Làm được gì từ những điều đã biết
Nội dung dạy học	- Được quy định chi tiết trong chương trình - Từ giáo trình và người dạy - Chương trình được xác định là chuẩn, không được phép xê dịch	- Được lựa chọn nhằm đạt được chuẩn đầu ra - Từ tình huống thực tế - Những vấn đề mà người học quan tâm
PPDH	Diễn giảng; GV là người truyền thụ kiến thức, HS tiếp thu thụ động	Dạy học tương tác; GV là người tổ chức, hỗ trợ HS tự lực và lĩnh hội tri thức
Hình thức tổ chức	Chủ yếu dạy lí thuyết trên lớp học cố định	Tổ chức các hình thức học tập đa dạng, cơ động, linh hoạt: học ở lớp, học trong thực tế, học theo nhóm

bị cho các em những tri thức văn hóa về đất nước và con người của mọi đất nước, vùng miền lãnh thổ trên thế giới. Tâm hiểu biết, sự tự tin, tính năng động của HS cũng sẽ được tăng lên. Bên cạnh đó, những vấn đề về lí luận văn học, mĩ học sẽ được nhận thức, bổ sung qua các tác giả, tác phẩm đặc sắc của văn chương nhân loại. Đây có thể xem là thế mạnh, một khả năng riêng của VHNN. Mặt khác, việc được học các hiện tượng VHNN bên cạnh văn học Việt Nam sẽ giúp HS nhận thức được những tương đồng, khác biệt giữa văn học Việt Nam và văn học thế giới. Từ đó, các em có thêm lòng tự tôn dân tộc, tự tin hơn khi bước vào giao lưu hội nhập với bạn bè trên thế giới, tạo dựng tâm thế, tri thức cho những công dân toàn cầu trong tương lai.

Sơ với văn học Việt Nam, việc dạy học VHNN ở trường phổ thông có những thuận lợi và khó khăn riêng. Các tác phẩm được chọn đều là những tác phẩm “đỉnh cao” của văn chương nhân loại, hội tụ nhiều tri thức văn hóa, văn học được chuyển tải trong những hình thức nghệ thuật mới lạ, độc đáo. Sự tinh tế, trữ tình trong thơ Đường, sự thâm trầm đậm màu thiên trong thơ M. Basho; những phân tích tâm lí tinh tế, sắc sảo, đa chiều trong kịch W. Shakespeare, tiểu thuyết V. Hugo, E. Hemingway, truyện ngắn M. Sholokhop... có khả năng mang lại cho HS những rung động thẩm mĩ tinh tế, những nhận thức sâu sắc về con người, cuộc sống; nhiều vấn đề, nhiều ý nghĩa không thể tìm thấy trong văn học Việt Nam. Đó vừa là ưu thế, vừa là thách thức đối với người dạy, người học. Để hướng dẫn HS hiểu được những tác phẩm như vậy, giáo viên (GV) phải được trang bị một vốn tri thức về lịch sử, văn hóa, văn học phong phú, đa dạng. Làm sao GV có thể giúp HS đọc hiểu thơ Haiku của M. Basho khi chưa có vốn tri thức về văn hóa Nhật Bản truyền thống? Làm sao để chiếm lĩnh

được những thế giới nghệ thuật đặc sắc, đa dạng ấy? Đó là yêu cầu mà không phải GV nào cũng đáp ứng được. Hiểu được đã khó, hướng dẫn HS khám phá được càng khó hơn... Trong khi đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng GV *Ngữ văn* phổ thông còn một số bất cập, như:

- Đội ngũ GV trực tiếp dạy VHNN cũng như *Ngữ văn* ở trường phổ thông hiện nay có nhiều thế hệ, được đào tạo từ nhiều nguồn, nhiều trường khác nhau; cùng với đó là chất lượng đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng đào tạo chuyên ngành *Ngữ văn* cũng không giống nhau. Hơn nữa, chương trình môn *Ngữ văn* cũng như phần VHNN trong trường phổ thông đã có nhiều những thay đổi, biến động, trong đó có những thay đổi thuộc về quan điểm giáo dục, cấu trúc chương trình, có những thay đổi thuộc về lựa chọn tác giả, tác phẩm. Do vậy, để vừa đảm bảo, vừa nâng cao chất lượng dạy học VHNN ở trường phổ thông, việc bồi dưỡng, đào tạo lại GV là hết sức cần thiết. Nhận thức rõ điều đó, nhiều năm qua, Bộ GD-ĐT đã có những đợt tập huấn, chuyên đề nhằm bồi dưỡng và bổ túc kiến thức cũng như phương pháp dạy học (PPDH) cho GV. Tuy nhiên, trong thực tế, việc làm này chưa đạt, hiệu quả chưa cao.

- Từ trước đến nay, VHNN ít nằm trong chương trình thi, kiểm tra, đánh giá (thường chỉ chiếm 20-30% với nội dung hỏi sơ lược về tác giả, tác phẩm). Từ đó, dẫn tới tình trạng HS không học VHNN cũng có thể làm được tốt bài thi, nên HS không chịu học; GV cũng chỉ giảng dạy, đánh giá mang tính hình thức, chiếu lệ, qua loa. Từ đó, chất lượng dạy và học VHNN tụt yếu hạn chế.

- Do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa nên sự tiếp nhận tác phẩm VHNN của cả GV và HS chỉ ở mức độ vừa phải, đặc biệt là tác phẩm trữ tình. GV và HS chủ

yếu chỉ tiếp xúc qua văn bản dịch. Văn bản dịch thường không thể chuyển tải hết vẻ đẹp ngôn từ, nhạc điệu so với nguyên tác; từ đó, khó khả năng đánh giá những đặc sắc, tương đồng và khác biệt giữa nguyên tác và bản dịch theo nguyên tắc đồng đại hay lịch đại.

- Trong giờ dạy VHNN, GV hầu như không sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy học tích cực. So với giờ dạy văn học Việt Nam, giờ dạy VHNN không gây hứng thú cho HS, nhiều em còn không đọc tác phẩm trước ở nhà, không chuẩn bị bài..., thiếu sự đối thoại giữa GV và HS, vì thế chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo và năng lực của các em.

- Trong giờ dạy VHNN, GV chưa thực sự chú ý đổi mới PPDH. Hơn nữa, một số GV không chú ý hướng dẫn HS cách thức tiếp cận tác phẩm, mà chỉ quan tâm mình đã truyền đạt được bao nhiêu kiến thức cho HS.

3. Một số giải pháp đối với việc dạy học VHNN ở trường phổ thông theo hướng TCNL

Giá trị của những tác phẩm văn chương kinh điển đã trở thành di sản văn hóa của toàn nhân. Vì thế, việc dạy học *Ngữ văn* trong nhà trường nói chung và VHNN nói riêng tất yếu cũng cần phải theo kịp với xu thế phát triển của thời đại. Trên cơ sở lí luận về dạy học theo hướng TCNL và thực trạng dạy học VHNN trong nhà trường phổ thông hiện nay, chúng tôi đề xuất một số giải pháp mang tính tổng thể góp phần nâng cao chất lượng dạy VHNN theo hướng TCNL trong trường phổ thông như sau:

- *Tập trung đẩy mạnh và kết hợp, đồng bộ các nhóm giải pháp chung về nâng cao nhận thức, năng lực, chuyên môn của đội ngũ GV văn học.* Tích cực triển khai những kế hoạch tập huấn dài hạn, ngắn hạn về cách thức kiểm tra, đánh giá người học. Từng bước thiết kế lại các chương trình VHNN, đẩy mạnh việc đa dạng hóa các PPDH và kĩ thuật dạy học. Không ngừng đổi mới hình thức tổ chức dạy và học VHNN... Cần chú trọng mục tiêu hình thành năng lực cho HS trong mỗi giờ học, không nên quá chú trọng vào mục tiêu kiến thức. Việc kiểm tra, đánh giá cũng phải hướng vào năng lực người học, nhất là tư duy sáng tạo, vận dụng giải quyết những vấn đề trong cuộc sống.

- *Đổi mới việc kiểm tra, đánh giá dạy học văn học và kết quả của HS theo hướng TCNL.* Cần tránh những phương pháp kiểm tra, đánh giá rập khuôn, có sẵn, thiếu tính thời sự gây nên sự nhàm chán trong học tập, không phát huy cao độ năng lực của người học. Các đề thi, kiểm tra, hệ thống ngân hàng đề thi, hình thức thi cần hướng tới việc đánh giá thực chất khả năng người học vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn trong đời sống... Bên cạnh đó, GV VHNN phải hình thành ở HS khả

năng tự kiểm tra, đánh giá, giúp các em hiểu rõ nhiệm vụ và có thể tự mình tổ chức các hoạt động học dưới sự hướng dẫn của GV. Trong quá trình dạy học VHNN, GV cần tôn trọng sự khác biệt, khuyến khích HS nỗ lực khám phá tri thức theo cách riêng của mình. Đặc biệt, HS phải tương tác với nhau để được thể hiện mình, biết cách nuôi dưỡng hứng thú, sự tự tin. Đó chính là yếu tố hỗ trợ đắc lực nhất thúc đẩy sự hình thành năng lực của HS trong quá trình dạy học VHNN.

- *Tổ Ngữ văn nên kết hợp với nhà trường, các tổ chức đoàn thể khác tổ chức các hình thức ngoại khóa ngoài giờ lên lớp theo hình thức sân khấu hoặc seminar trong lớp để HS có điều kiện tiếp xúc nhiều hơn với tác phẩm, ứng dụng phù hợp công nghệ thông tin trong dạy học.* Với những tác phẩm đã dựng thành phim, tổ chức cho HS cùng xem tác phẩm phim cũng là một hình thức dạy học tích cực. Những buổi học ngoại khóa chính là điều kiện tốt để GV và HS tạo được không khí dân chủ trong giờ học, giúp cả GV và HS mạnh dạn đối thoại, trao đổi, trở thành người “đồng sáng tạo” với nhà văn khi tiếp nhận tác phẩm.

* * *

Dạy học VHNN theo hướng TCNL ở trường phổ thông được thực hiện hiệu quả sẽ là một minh chứng cho sự thành công của công cuộc đổi mới toàn diện nền giáo dục. Để nâng cao hiệu quả và tính bền vững hơn việc dạy học theo hướng TCNL phân môn *VHNN* ở trường phổ thông, công tác đào tạo, bồi dưỡng GV *Ngữ văn* về giáo dục năng lực cần thực hiện song song với công tác thiết kế và xây dựng chương trình dạy học, hình thức đánh giá, công cụ đánh giá; trong đó, quan trọng nhất là đào tạo, bồi dưỡng GV. Đây là yếu tố đóng vai trò then chốt góp phần thực hiện các mục tiêu đề ra của dạy học *VHNN* theo hướng TCNL ở trường phổ thông. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [2] Quốc hội (2010). *Luật Giáo dục.* NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] Đặng Bá Lâm (2015). *Chương trình giáo dục hướng tới phát triển năng lực người học.* Tạp chí Quản lí Giáo dục, số 4/2015, tr 3-6.
- [4] Nguyễn Thị Lan (2010). *Văn học nước ngoài trong nhà trường.* NXB Hội nhà văn.
- [5] Phùng Văn Tửu (2008). *Cảm thụ giảng dạy văn học nước ngoài.* NXB Giáo dục.